TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/KDTM - ST
Ngày: 17/8 /2020
V/v : Tranh chấp Hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Khắc Kiếm ;
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh .

Th□ ký phiên tòa*:* Bà Ninh Thị Khánh Tân - Thư ký TAND thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST- KDTM ngày 26/3/2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần kiến trúc và thương mại V
Trụ sở: Tòa nhà G, L, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Tòa nhà M, T, phường P, quận Đ, Thành Phố Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy H – Giám đốc công ty.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung D – Phó giám đốc
Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng H
Địa chỉ: Thôn Thịnh Hùng, xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Xuân H – Giám đốc công ty
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành M – Phó giám đốc.

Tại phiên tòa có mặt các bên đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cũng như lời trình bày của đại diện nguyên

đơn tại phiên tòa: Ngày 13/3/2017, Công ty Cổ phần kiến trúc và thương mại V (sau đây gọi tắt là công ty V) có ký hợp đồng số 110/HĐKT – VL về việc mua bán vật liệu xây dựng với Công ty cổ phần xây dựng H (sau đây gọi tắt là Công ty H), theo đó: công ty V có trách nhiệm cung cấp vật liệu xây dựng cho công trình BT6, Dự án Ngoại giao đoàn, phường Xuân Đỉnh, Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Với tổng giá trị hợp đồng là 2.295.000.000đồng (Hai tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu đồng);

Quá trình thực hiện hợp đồng: giá trị thực hiện hợp đồng là 712.192.658 đồng (Bảy trăm mười hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng); công ty H đã thanh toán số tiền 103.000.000đồng (Một trăm linh ba triệu đồng); Sau khi thực hiện xong Hợp đồng vào ngày 30/11/2017 Công ty H và công ty V xác định Công ty H còn nợ Công ty V số tiền: 609.192.658 đồng (sáu trăm linh chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) và Công ty H cam kết sẽ thanh toán nợ trên trong tháng 12/2017. Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn nhưng Công ty V chưa nhận được bất cứ khoản thanh toán nào. Do vậy, Công ty V khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty H phải thực hiện nghĩa vụ: Buộc Công ty cổ phần xây dựng H phải thanh toán số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng số 110/HĐKT – VL ngày 13/3/2017 là: 609.192.658 đồng (sáu trăm linh chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng)

Buộc Công ty H phải trả tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày nhận hồ sơ thanh toán cuối cùng là ngày 04/01/2018 đến ngày 06/11/2019 là 111.238.579 đồng (một trăm mười một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng). Tổng số tiền Công ty H phải thanh toán cho Công ty V là 720.431.237 đồng (bảy trăm hai mươi triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng). Và buộc Công ty H phải trả tiền lãi từ ngày 07/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến trình bày của đại diện Bị đơn - Ông Lê Thành Mạnh:

Về thời gian ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng số 110/HĐKT – VL ngày 13/3/2017 giữa công ty V và Công ty H, Tôi đại diện Công ty H thống nhất như đại diện công ty V trình bày. Nay công ty V khởi kiện yêu cầu: Công ty H thanh toán số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng là 609.192.658 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 04/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Hiện nay Giám đốc cũ là ông Lê Khắc Thịnh bị bệnh đã chết, không bàn giao được tài chính, công nợ cho giám đốc mới. Việc thực hiện hợp đồng số 110/HĐKT – VL ngày 13/3/2017 như thế nào, đề nghị thanh toán của công ty V số tiền gốc là 609.192.658 đồng (sáu trăm linh chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) chưa có xác nhận của đại diện theo pháp luật

của Công ty H. Cán bộ trực tiếp thực hiện và theo dõi hợp đồng 110/HĐKT – VL ngày 13/3/2017 nêu trên, hiện nay người chết, người bỏ đi làm công ty khác nên công ty không nắm được tình hình cụ thể của các khoản nợ.

Tình trạng hiện nay của công ty H ngừng hoạt động, ngừng sản xuất, tình trạng công ty rất khó khăn, không có nguồn thu đã 2 năm nay; công ty Hancorp. 2 hiện nay còn nợ thuế, nợ lương công nhân, nợ bảo hiểm, nợ ngân hàng và nhiều đối tác khác nên không có khả năng thanh toán.

Với những lý do trên, hiện nay công ty H không đủ cơ sở và căn cứ để thanh toán nợ theo yêu cầu của công ty V đã khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty H phải thanh toán cho công ty CP Kiến trúc và thương mại V số tiền gốc còn lại là 609.192.658 đồng (sáu trăm linh chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 17/8/2020 là 158.836.331 đồng.

Đại diện phía bị đơn thừa nhận thời điểm ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng, công ty H có mua vật liệu xây dựng của công ty V để xây dựng công trình BT6, Dự án Ngoại giao đoàn, phường Xuân Đỉnh, Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Công ty H nợ công ty V như thế nào, số tiền đã thanh toán bao nhiêu và còn lại bao nhiêu tôi không nắm được, chưa có đối chiếu công nợ giữa hai bên và chưa có người đại diện theo pháp luật cuả công ty H ký xác nhận công nợ. Do đó công ty V khởi kiện là không có căn cứ. Về lãi xuất tôi không thống nhất trả lãi vì trong Hợp đồng không thỏa thuận về lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa có ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng và đúng pháp luật theo quy định tại Điều 48 BLTTDS, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền của mình.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự đã chấp hành đầy đủ làm việc đúng theo triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa và cung cấp đầy đủ các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình , thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70,71,72,234 Bộ luật Tố dụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của đại diện nguyên đơn, lời khai của người đại diện bị đơn các chứng cứ của phía nguyên đơn cung cấp như: Hợp đồng số

110/HĐKT – VL ngày 13/3/2017, các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000016 ngày 31/3/2017; 0000029 ngày 30/4/2017; 0000050 ngày 31/5/2017 ; 0000072 ngày 30/6/2017; 0000092 ngày 31/7/2017; 0000104 ngày 31/8/2017; 0000133 ngày 31/10/2017; 0000153 ngày 30/11/2017. các chứng cứ Công ty H đã thanh toán số tiền 103.000.000đ (Một trăm linh ba triệu đồng) cụ thể ngày 26/6/2017 trả 50.000.000 đồng; ngày 16/8/2017 trả 24.000.000 đồng, ngày 09/12/2017 trả 14.000.000 đồng; ngày 06/12/2017 trả 15.000.000đồng ; Do vậy việc công ty V khởi kiện đối với công ty H số tiền gốc và lãi là có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 410; 357 Bộ luật Dân sự; Điều 306 Luật KD Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã đ- ợc xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng*:* Công ty V khởi kiện yêu cầu công ty H phải thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng.Hai bên đều có đăng ký kinh doanh. Do vậy khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân cấp huyện (theo khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS).

[2]**.** Về thời hiệu: Hợp đồng mua bán giữa Công ty Cổ phần kiến trúc và thương mại V và Công ty cổ phần xây dựng H cam kết thực hiện thanh toán xong vào tháng 12/2017 nhưng sau đó Công ty cổ phần xây dựng H vi phạm. Nay Công ty Cổ phần kiến trúc và thương mại V khởi kiện. Do vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn (quy định tại Điều 429 BLDS năm 2015) .

[3]. Xét yêu cầu của Công ty Cổ phần kiến trúc và thương mại V HĐXX thấy rằng: Ngày 13/3/2017 giữa công ty V và Công ty H có ký hợp đồng số 110/HĐKT – VL về việc mua bán vật liệu xây dựng, theo đó: công ty V có trách nhiệm cung cấp vật liệu xây dựng cho công trình BT6, Dự án Ngoại giao đoàn, phường Xuân Đỉnh, Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Với tổng giá trị hợp đồng là 2.295.000.000đ (Hai tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu đồng);

Quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty Cổ phần kiến trúc và thương mại V đã bán vật liệu cho Công ty H giá trị thực hiện hợp đồng là 712.192.658 đồng (bảy trăm mười hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) thể hiện trên các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000016 ngày 31/3/2017; 0000029 ngày 30/4/2017; 0000050 ngày 31/5/2017 ; 0000072 ngày 30/6/2017; 0000092 ngày 31/7/2017; 0000104 ngày 31/8/2017; 0000133 ngày 31/10/2017; 0000153 ngày 30/11/2017. Công ty H đã thanh toán số tiền 103.000.000đ (Một

trăm linh ba triệu đồng) cụ thể ngày 26/6/2017 trả 50.000.000 đồng; ngày 16/8/2017 trả 24.000.000 đồng, ngày 09/12/2017 trả 14.000.000 đồng; ngày 06/12/2017 trả 15.000.000đồng ;

Nay Công ty V yêu cầu Công ty H trả số tiền gốc còn nợ 609.192.658 đồng (Sáu trăm linh chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) là tiền mua vật liệu, phía công ty H không xác nhận công nợ còn lại nhưng có thừa nhận có nợ Công ty V. Quá trình giải quyết vụ án phía Công ty H không xuất trình được các chứng cứ chứng minh số tiền còn nợ ít hơn số tiền mà hiện nay Công ty V khởi kiện, tại phiên tòa đại diện cho phía bị đơn thừa nhận tại thời điểm các bên thực hiện hợp đồng thì ông Lê Đình Đăng là người của công ty H ông Đăng lúc là phó giám đốc, lúc là quyền giám đốc công ty, ông Lê Văn Quang là cán bộ kỹ thuật của công ty H, giám sát công trình BT6, Dự án Ngoại giao đoàn, phường Xuân Đỉnh, Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Ông Lê Huy Nam là cán bộ của công ty H, bà Phạm Thị Huyền Trang là cán bộ của phòng kế hoạch công ty, ông Trịnh Thái Sơn là kế toán trưởng của công ty Hancrp.2 những người này đều ký nhận khối lượng vật liệu công ty V bán cho công ty H và ký nhận vào hóa đơn mua hàng, tiền nợ. Do vậy căn cứ vào Hợp đồng số 110/HĐKT – VL về việc mua bán vật liệu xây dựng ngày 13/3/2017 giữa công ty V và Công ty H, căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng giữa bên bán và bên mua và các chứng cứ hóa đơn chuyển trả tiền hàng của Công ty H cho Công ty V có căn cứ buộc công ty H phải trả cho Công ty V tiền gốc còn nợ : 609.192.658 đồng (Sáu trăm linh chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) là tiền mua vật liệu.

Đối với yêu cầu của công ty V buộc công ty H phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 với mức lãi suất 0.83%/ tháng thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày 04/01/2018 đến ngày xét xử 17/8/2020 đối với số tiền 609.192.658 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù khi ký hợp đồng các bên không thỏa thuận với nhau về việc tính lãi nếu chậm thanh toán, tuy nhiên do phía Công ty H đã không thanh toán tiền cho Công ty V theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, vì vậy việc công ty V buộc công ty H phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 với mức lãi suất 0.83%/ tháng thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày 04/01/2018 đến ngày xét xử 17/8/2020 (31 tháng 13 ngày) đối với số tiền 609.192.658 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận do vậy Công ty H phải trả số tiền lãi cụ thể là:

31 tháng 13 ngày x 609.192.658 đồng x 0,83%/ tháng = 158.836.331 đồng.

[4] *Về án phí:*

Công ty V không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 16.408.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000916ngày 19/03/2010.

Công ty H phải chịu số tiền án phí 34.721.159 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35 BLTTDS; Điều 440; 351; 357 BLDS năm 2015. Điều 306 Luật KD Thương mại ;khoản 2 Điều 26. điểm c Tiểu mục 1.4 mục 1 phần II Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 về quy định mức án phí, Lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần kiến trúc và thương mại V.

Buộc công ty H phải trả cho công ty V số tiền: 768.028.989 đồng cụ thể tiền gốc : 609.192.658 đồng. Tiền Lãi: 158.836.331 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty V có đơn yêu cầu nếu công ty H không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí:

Công ty V không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 16.408.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dan sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000916 ngày 19/03/2010.

Công ty H phải chịu số tiền án phí 34.721.159 đồng

Các bên đ- ơng sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKSND TPTH;
- TAND tỉnh, VKDND tỉnh TH;
- THA TPTH;
- L- u hồ sơ.